

Số: /THVN- KHTC  
V/v tình hình thực hiện dự toán  
thu, chi NSNN năm 2025

*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán NSNN năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-TTg ngày 06/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán NSNN năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1663/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chi tiết dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 của các bộ, cơ quan trung ương, bổ sung có mục tiêu cho các địa phương và phân bổ chi tiết dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1571/QĐ -THVN ngày 31/12/2024 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ -THVN ngày 08/01/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2024 thực hiện Tiểu dự án “Giảm nghèo về thông tin” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cho Ban truyền hình tiếng dân tộc.

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11/03/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ-THVN ngày 14/03/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Tiểu dự án “Giảm nghèo về thông tin” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cho Ban truyền hình tiếng dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-TTg ngày 22/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của các Bộ, cơ quan trung ương (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 740/QĐ-THVN ngày 04/6/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Đài THVN;

Căn cứ Quyết định số 1491/QĐ-TTg ngày 08/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của các Bộ, cơ quan trung ương để tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc Khánh;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-THVN ngày 11/7/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho các đơn vị trực thuộc Đài THVN;

Căn cứ Quyết định số 1161/QĐ-THVN ngày 11/7/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 890/QĐ-THVN ngày 11/7/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho các đơn vị trực thuộc Đài THVN;

Căn cứ Quyết định số 996/QĐ-THVN ngày 01/08/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc giao số tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Đài Truyền hình Việt Nam theo Nghị quyết 173/NQ-CP ngày 13/06/2025 của Chính Phủ;

Căn cứ Quyết định số 1835/QĐ-TTg ngày 26/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các Bộ, cơ quan trung ương năm 2025 (đợt 7);

Căn cứ Quyết định số 1114/QĐ-THVN ngày 28/8/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam cho các đơn vị trực thuộc Đài THVN;

Căn cứ Quyết định số 1115/QĐ-THVN ngày 28/8/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 thực hiện cung ứng dịch vụ truyền hình đối ngoại quốc gia theo Quyết định số 747/QĐ-TTG ngày 11/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ cho các đơn vị trực thuộc Đài THVN.

- Căn cứ Quyết định số 1301/QĐ-THVN ngày 20/10/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 thực hiện tuyên truyền Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI cho Ban Văn hóa - Giải trí.

- Căn cứ Quyết định số 1310/QĐ-THVN ngày 23/10/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 thực hiện Hội chợ Mùa thu năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Đài THVN.

- Căn cứ Quyết định số 1392/QĐ-THVN ngày 14/11/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 thực hiện truyền thông về Nghị quyết số 57/NQ-TW và Nghị quyết số 71/NQ-TW trên hệ sinh thái VTV.

- Căn cứ Quyết định số 1409/QĐ-THVN ngày 18/11/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1150/QĐ-THVN ngày 28/8/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN.

Đài Truyền hình Việt Nam (THVN) báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Năm 2025 như sau:

## **I. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

### **1. Nguồn chi thường xuyên**

Năm 2025, Đài Truyền hình Việt Nam được giao dự toán chi ngân sách nhà nước bao gồm:

- Dự toán chi thường xuyên giao năm 2025: 375.500 triệu đồng;

- Số tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ là: 5.180 triệu đồng.

- Dự toán bổ sung nguồn NSNN năm 2024, chuyển nguồn sang năm 2025 thực hiện là 3.000 triệu đồng (thực hiện Tiểu dự án “Giảm nghèo về thông tin” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững)

- Điều chỉnh giảm dự toán thực hiện dịch vụ truyền hình đối ngoại quốc gia cho Ban Truyền hình đối ngoại: 8.685 triệu đồng.

- Dự toán bổ sung nguồn NSNN năm 2025 là 182.825 triệu đồng (trong đó thực hiện Tiểu dự án “Giảm nghèo về thông tin” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cho Ban Truyền hình tiếng dân tộc: 3.000 triệu đồng, kinh phí tuyên truyền Đại hội Đảng XIV: 17.400 triệu đồng, kinh phí thực hiện Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân kỷ niệm 80 năm Quốc khánh là 11.366 triệu đồng, kinh phí thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam là: 36.028 triệu đồng, kinh phí thực hiện cung ứng truyền hình đối ngoại là: 81.482 triệu đồng; Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI: 3.428 triệu đồng; Hội chợ Mùa thu 2025: 2.130 triệu đồng; truyền thông về Nghị Quyết số 57-NQ/TW và Nghị Quyết số 71/NQ-CP trên hệ sinh thái VTV năm 2025: 27.991 triệu đồng).

Đài THVN đã thực hiện phân bổ toàn bộ dự toán cho các đơn vị trực thuộc theo quy định.

## **2. Nguồn đầu tư phát triển**

Năm 2025, Đài THVN được giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN số tiền là 191.530 triệu đồng. Đài đã phân bổ 191.530 triệu đồng, cụ thể như sau:

+ Dự án “Tăng cường năng lực sản xuất và phát sóng chương trình truyền hình tiếng dân tộc trong tình hình mới”: 25.000 triệu đồng.

+ Dự án “Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất và phát sóng chương trình cho kênh truyền hình đối ngoại quốc gia VTV World”: 166.530 triệu đồng.

+ Đài THVN đã ban hành Quyết định số 1474/QĐ-THVN về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 số tiền 7.343 triệu đồng. Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 của Đài THVN sau điều chỉnh: 184.187 triệu đồng.

## **II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NĂM 2025**

### **1. Nguồn chi thường xuyên**

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề (kinh phí giao tự chủ - quỹ lương): Dự toán giao năm 2025 (số sau tiết kiệm): 21.982 triệu đồng, ước thực hiện: 20.907 triệu đồng đạt 95,1% so với dự toán giao, trong đó:

+ Kinh phí giao tự chủ: 6.959 triệu đồng, ước thực hiện: 6.959 triệu đồng đạt 100% so với dự toán giao.

+ Kinh phí không giao tự chủ: 15.023 triệu đồng, ước thực hiện: 13.948 triệu đồng đạt 92,8% so với dự toán giao.

- Chi Chuyển đổi số: Dự toán được giao 27.991 triệu đồng, ước thực hiện: 20.402 triệu đồng đạt 72,9% so với dự toán.

- Chi văn hóa thông tin: Dự toán được giao 17.366, ước thực hiện: 16.754 triệu đồng đạt 96,5% so với dự toán giao,

- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn: Dự toán được giao 294.402 triệu đồng, ước thực hiện 263.048 triệu đồng đạt 89,3% so với dự toán giao.
- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Dự toán được giao 11.629 triệu đồng, ước thực hiện 9.680 triệu đồng đạt 83,2% so với dự toán giao.
- Chi hoạt động kinh tế: Dự toán được giao 2.130 triệu đồng, ước thực hiện 1.856 triệu đồng đạt 87,1% so với dự toán giao.

## **2. Chi Đầu tư phát triển**

- Chi đầu tư phát triển: Dự toán được giao 184.187 triệu đồng, ước thực hiện 178.868 triệu đồng đạt 97,1% so với dự toán giao.
  - + Dự án “Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất và phát sóng chương trình cho kênh truyền hình đối ngoại quốc gia VTV World”: 157.836 triệu đồng, đạt 98,95% kế hoạch vốn được giao.
  - + Dự án “Tăng cường năng lực sản xuất và phát sóng chương trình truyền hình tiếng dân tộc trong tình hình mới”: 24.675 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

Trên đây là tình hình ước thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Đài THVN (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Trân trọng./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- TGD (để b/c)
- Công TTĐT Đài THVN;
- Lưu: VT, KHTC.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Lâm**

**Phụ lục**  
**THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025**  
*(Kèm theo Công văn số            /THVN-KHTC ngày    tháng    năm 2026 của Đài THVN)*  
Đơn vị: triệu đồng

| Stt | Nội dung                                             | Dự toán        | Ước thực hiện  |                | Ước thực hiện năm 2025 so dự toán (%) |
|-----|------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|---------------------------------------|
|     |                                                      |                | Quý IV         | Năm 2025       |                                       |
| A   | B                                                    |                |                |                |                                       |
| I   | <b>Tổng số thu</b>                                   | <b>13.409</b>  | <b>8.353</b>   | <b>16.997</b>  | <b>126,8%</b>                         |
| 1   | <b>Tổng thu</b>                                      |                |                |                |                                       |
| 2   | <b>Thu khác được để lại tại đơn vị</b>               | 13.409         | 8.353          | 16.997         | 126,8%                                |
|     | Thu học phí                                          |                |                |                |                                       |
|     | Thu khác được để lại tại đơn vị                      |                |                |                |                                       |
| 3   | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>                       |                |                |                |                                       |
|     | Chi tiết theo từng khoản thu                         |                |                |                |                                       |
| II  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                | <b>559.687</b> | <b>305.025</b> | <b>511.515</b> | <b>91,4%</b>                          |
| A   | <b>Chi thường xuyên</b>                              | <b>375.500</b> | <b>203.681</b> | <b>332.647</b> | <b>88,6%</b>                          |
| 1   | <i><b>Chi quản lý hành chính</b></i>                 |                |                | -              |                                       |
| a   | Kinh phí giao tự chủ                                 |                |                | -              |                                       |
|     | Quỹ lương                                            |                |                | -              |                                       |
|     | Chi thường xuyên theo định mức                       |                |                | -              |                                       |
|     | Các khoản chi đặc thù ngoài định mức                 |                |                | -              |                                       |
|     | (chi tiết theo các khoản chi)                        |                |                | -              |                                       |
|     | .....                                                |                |                | -              |                                       |
| b   | Kinh phí không giao tự chủ                           |                |                | -              |                                       |
|     | Chi tiết theo các khoản chi                          |                |                | -              |                                       |
| 2   | <i><b>Chi quốc phòng</b></i>                         |                |                | -              |                                       |
| 3   | <i><b>Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội</b></i> |                |                | -              |                                       |
| 4   | <i><b>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b></i>     | <b>21.982</b>  | <b>8.731</b>   | <b>20.907</b>  | <b>95,1%</b>                          |
| a   | Kinh phí giao tự chủ                                 | 6.959          | 12             | 6.959          | 100,0%                                |
|     | <i>Hỗ trợ chi thường xuyên của Trường CDTH</i>       | 6.959          | 12             | 6.959          | 100,0%                                |
| b   | Kinh phí không giao tự chủ                           | 15.023         | 8.719          | 13.948         | 92,8%                                 |

| Stt | Nội dung                                                                                                                                                                                         | Dự toán | Ước thực hiện |          | Ước thực hiện năm 2025 so dự toán (%) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------|----------|---------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                  |         | Quý IV        | Năm 2025 |                                       |
|     | <i>Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ.</i>                                                                                           | 10.306  | 5.914         | 10.306   | 100,0%                                |
|     | <i>Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ</i>                                     | 105     | 42            | 42       | 40,0%                                 |
|     | <i>Kinh phí đào tạo thuộc Đề án "Tăng cường năng lực sản xuất các chương trình truyền hình tiếng dân tộc giai đoạn 2021-2025" QĐ 1571/QĐ-THVN ngày 31/12/2024; QĐ 996/QĐ-THVN ngày 1/8/2025.</i> | 4.612   | 2.763         | 3.600    | 78,1%                                 |
| 5   | <b>Chi chuyển đổi số</b>                                                                                                                                                                         | 27.991  | 20.402        | 20.402   | 72,9%                                 |
|     | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>                                                                                                                                                      | 27.991  | 20.402        | 20.402   | 72,9%                                 |
|     | <i>"Truyền thông về Nghị Quyết số 57-NQ/TW và Nghị Quyết số 71/NQ-CP trên hệ sinh thái VTV năm 2025" - Ban Chương trình - QĐ 1392/QĐ-THVN</i>                                                    | 1.279   | 900           | 900      | 70,4%                                 |
|     | <i>"Truyền thông về Nghị Quyết số 57-NQ/TW và Nghị Quyết số 71/NQ-CP trên hệ sinh thái VTV năm 2025" - Thời báo VTV - QĐ 1392/QĐ-THVN</i>                                                        | 306     | 306           | 306      | 100,0%                                |
|     | <i>"Truyền thông về Nghị Quyết số 57-NQ/TW và Nghị Quyết số 71/NQ-CP trên hệ sinh thái VTV năm 2025" - Ban Chuyên đề - Khoa giáo - QĐ 1392/QĐ-THVN</i>                                           | 25.677  | 18.900        | 18.900   | 73,6%                                 |
|     | <i>"Truyền thông về Nghị Quyết số 57-NQ/TW và Nghị Quyết số 71/NQ-CP trên hệ sinh thái VTV năm 2025" - Trung tâm Sản xuất và Phát triển nội dung số - QĐ 1392/QĐ-THVN</i>                        | 729     | 296           | 296      | 40,6%                                 |
| 6   | <b>Chi y tế, dân số và gia đình</b>                                                                                                                                                              |         |               | -        |                                       |
| 7   | <b>Chi văn hóa thông tin</b>                                                                                                                                                                     | 17.366  | 7.939         | 16.754   | 96,5%                                 |
|     | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>                                                                                                                                                      | 17.366  | 7.939         | 16.754   | 96,5%                                 |

| Stt        | Nội dung                                                                                                                                                                  | Dự toán | Ước thực hiện |          | Ước thực hiện năm 2025 so dự toán (%) |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------|----------|---------------------------------------|
|            |                                                                                                                                                                           |         | Quý IV        | Năm 2025 |                                       |
| <b>7.1</b> | Kinh phí Tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh theo Quyết định số 1161/QĐ-THVN ngày 05/9/2025 và 890/QĐ-THVN ngày 1/7/2025 | 11.366  | 2.630         | 10.754   | 94,6%                                 |
|            | <i>Kinh phí Tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho Ban Chương trình</i>                                                 | 407     | 387           | 387      | 95,1%                                 |
|            | <i>Kinh phí Tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho Ban Chuyên đề - Khoa giáo</i>                                        | 691     | (4)           | 687      | 99,4%                                 |
|            | <i>Kinh phí Tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho Ban Thời sự</i>                                                      | 437     | 5             | 435      | 99,5%                                 |
|            | <i>Kinh phí Tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho Ban Truyền hình đối ngoại</i>                                        | 283     |               | 283      | 100,0%                                |
|            | <i>Kinh phí Tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho Ban Truyền hình tiếng dân tộc</i>                                    | 236     | 236           | 236      | 100,0%                                |
|            | <i>Kinh phí Tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho Ban Văn hóa-Giải trí</i>                                             | 102     | 93            | 93       | 91,2%                                 |
|            | <i>Kinh phí Tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho Thời báo VTV</i>                                                     | 333     | 330           | 330      | 99,1%                                 |
|            | <i>Kinh phí Tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho Trung tâm Công nghệ và Truyền dẫn phát sóng</i>                      | 1.116   | 1.032         | 1.032    | 92,5%                                 |
|            | <i>Kinh phí Tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho Trung tâm Kỹ thuật và Mỹ thuật truyền hình</i>                       | 5.496   |               | 5.496    | 100,0%                                |
|            | <i>Kinh phí Tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho Trung tâm Sản xuất và Phát triển nội dung số</i>                     | 814     | 291           | 466      | 57,2%                                 |

| Stt | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                       | Dự toán        | Ước thực hiện  |                | Ước thực hiện năm 2025 so dự toán (%) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|---------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                | Quý IV         | Năm 2025       |                                       |
|     | <i>Kinh phí Tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho Văn phòng</i>                                                                                                                                                             | 1.040          | (116)          | 924            | 88,8%                                 |
|     | <i>Kinh phí Tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh cho Trung tâm phim truyền hình</i>                                                                                                                                            | 411            | 376            | 385            | 93,7%                                 |
| 7.2 | Kinh phí hỗ trợ chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Dự án 6 - Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Tiểu dự án 1 - Giảm nghèo về thông tin ( Dự toán bổ sung 2024 chuyển nguồn sang 2025) cho Ban Truyền hình tiếng dân tộc . QĐ 15/QĐ-THVN ngày 8/1/2025 ; | 3.000          | 3.000          | 3.000          | 100,0%                                |
| 7.3 | Kinh phí bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2025 thực hiện Tiểu dự án - Giảm nghèo về thông tin cho Ban Truyền hình tiếng dân tộc Quyết định số 271/QĐ-THVN ngày 14/3/2025                                                                                                   | 3.000          | 2.309          | 3.000          | 100,0%                                |
| 8   | <b>Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                                                                                                                                                                                                                                  | <b>294.402</b> | <b>159.317</b> | <b>263.048</b> | <b>89,3%</b>                          |
|     | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>                                                                                                                                                                                                                                    | <b>294.402</b> | <b>159.317</b> | <b>263.048</b> | <b>89,3%</b>                          |
| 8.1 | Kinh phí hỗ trợ sản xuất các chương trình truyền hình tiếng dân tộc thuộc Đề án "Nâng cao năng lực sản xuất chương trình truyền hình tiếng dân tộc giai đoạn 2021-2025", QĐ 1571/QĐ                                                                                            | 162.271        | 72.542         | 162.271        | 100,0%                                |
| 8.2 | Cung ứng dịch vụ THĐN quốc gia theo QĐ 1115/QĐ-THVN ngày 28/8/2025 cho Ban Truyền hình Đối ngoại                                                                                                                                                                               | 72.797         | 50.618         | 50.965         | 70,0%                                 |
|     | <i>Cung ứng dịch vụ THĐN quốc gia theo QĐ 1115/QĐ-THVN ngày 28/8/2025 cho Ban Truyền hình Đối ngoại. (QĐ điều chỉnh QĐ 1409/QĐ-THVN ngày 18/11/2025/2025</i>                                                                                                                   | 56.076         | 48.413         | 48.760         | 87,0%                                 |
|     | <i>Cung ứng dịch vụ THĐN quốc gia theo QĐ 1115/QĐ-THVN ngày 28/8/2025 cho Văn phòng Đài THVN</i>                                                                                                                                                                               | 1.561          | 1.561          | 1.561          | 100,0%                                |
|     | <i>Cung ứng dịch vụ THĐN quốc gia theo QĐ 1115/QĐ-THVN ngày 28/8/2025 cho Trung tâm Quảng cáo và Khai thác bản quyền</i>                                                                                                                                                       | 600            | 593            | 593            | 98,9%                                 |

| Stt | Nội dung                                                                                                                                                                       | Dự toán | Ước thực hiện |          | Ước thực hiện năm 2025 so dự toán (%) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------|----------|---------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                |         | Quý IV        | Năm 2025 |                                       |
|     | <i>Cung ứng dịch vụ THĐN quốc gia theo QĐ 1115/QĐ-THVN ngày 28/8/2025 cho Trung tâm Công nghệ và Truyền dẫn phát sóng</i>                                                      | 14.560  | 51            | 51       | 0,4%                                  |
| 8.3 | Kinh phí thực hiện tổ chức thông tin, tuyên truyền năm 2025 Tôn vinh Tiếng Việt - Ban Truyền hình đối ngoại QĐ 1589                                                            | 2.478   | 1.923         | 2.470    | 99,7%                                 |
| 8.4 | Kinh phí tuyên truyền Đại hội Đảng XIV theo QĐ số 740/QĐ-THVN ngày 04/6/2025                                                                                                   | 17.400  | 15.557        | 16.067   | 92,3%                                 |
|     | <i>Kinh phí tuyên truyền Đại hội Đảng XIV cho Ban Thời sự</i>                                                                                                                  | 1.859   | 990           | 1.500    | 80,7%                                 |
|     | <i>Kinh phí tuyên truyền Đại hội Đảng XIV cho Ban Truyền hình tiếng dân tộc QĐ 740</i>                                                                                         | 8.576   | 8.576         | 8.576    | 100,0%                                |
|     | <i>Kinh phí tuyên truyền Đại hội Đảng XIV cho Trung tâm sản xuất và phát triển nội dung số</i>                                                                                 | 875     | 584           | 584      | 66,7%                                 |
|     | <i>Kinh phí tuyên truyền Đại hội Đảng XIV cho Ban Truyền hình đối ngoại</i>                                                                                                    | 1.629   | 1.281         | 1.281    | 78,6%                                 |
|     | <i>Kinh phí tuyên truyền Đại hội Đảng XIV cho Trung tâm THVN khu vực Miền Trung-Tây Nguyên</i>                                                                                 | 1.677   | 1.677         | 1.677    | 100,0%                                |
|     | <i>Kinh phí tuyên truyền Đại hội Đảng XIV cho Trung tâm THVN tại Thành phố Hồ Chí Minh</i>                                                                                     | 1.449   | 1.449         | 1.449    | 100,0%                                |
|     | <i>Kinh phí tuyên truyền Đại hội Đảng XIV cho Thời báo VTV</i>                                                                                                                 | 1.335   | 1.000         | 1.000    | 74,9%                                 |
| 8.5 | Kinh phí thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam theo Quyết định số 1114/QĐ-THVN ngày 28/8/2025 | 36.028  | 16.176        | 28.774   | 79,9%                                 |
|     | <i>Kinh phí thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam cho Ban Văn hóa - Giải trí</i>              | 7.550   | 4.129         | 4.129    | 54,7%                                 |
|     | <i>Kinh phí thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam cho Ban Chương trình</i>                    | 83      | 83            | 83       | 100,0%                                |
|     | <i>Kinh phí thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam cho Ban Chuyên đề - Khoa giáo</i>           | 963     |               | 963      | 100,0%                                |

| Stt | Nội dung                                                                                                                                                                                      | Dự toán | Ước thực hiện |          | Ước thực hiện năm 2025 so dự toán (%) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------|----------|---------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                               |         | Quý IV        | Năm 2025 |                                       |
|     | <i>Kinh phí thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam cho Ban Truyền hình tiếng dân tộc</i>                      | 966     | 966           | 966      | 100,0%                                |
|     | <i>Kinh phí thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam cho Ban Văn nghệ</i>                                       | 108     |               | 108      | 100,0%                                |
|     | <i>Kinh phí thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam cho Trung tâm Công nghệ và Truyền dẫn phát sóng</i>        | 2.134   | 1.840         | 1.840    | 86,2%                                 |
|     | <i>Kinh phí thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam cho Trung tâm Kỹ thuật và Mỹ thuật truyền hình</i>         | 5.581   | (405)         | 5.095    | 91,3%                                 |
|     | <i>Kinh phí thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam cho Trung tâm Phim truyền hình</i>                         | 9.748   | 2.714         | 8.741    | 89,7%                                 |
|     | <i>Kinh phí thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam cho Trung tâm Sản xuất và Phát triển nội dung số</i>       | 3.768   | 1.757         | 1.757    | 46,6%                                 |
|     | <i>Kinh phí thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam cho Trung tâm THVN tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên</i> | 4.427   | 4.392         | 4.392    | 99,2%                                 |
|     | <i>Kinh phí thực hiện các chương trình, hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam cho Trung tâm THVN tại khu vực Tây Nam Bộ</i>              | 700     | 700           | 700      | 100,0%                                |

| Stt       | Nội dung                                                                                                                                      | Dự toán       | Ước thực hiện |              | Ước thực hiện năm 2025 so dự toán (%) |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|--------------|---------------------------------------|
|           |                                                                                                                                               |               | Quý IV        | Năm 2025     |                                       |
| 8.6       | Kinh phí thực hiện tuyên truyền Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI theo QĐ 1301/QĐ-THVN ngày 20/10/2025 cho Ban Văn hóa - Giải trí | 3.428         | 2.500         | 2.500        | 72,9%                                 |
| <b>9</b>  | <b>Chi bảo vệ môi trường</b>                                                                                                                  | <b>11.629</b> | <b>5.437</b>  | <b>9.680</b> | <b>83,2%</b>                          |
| -         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                          | 11.629        | 5.437         | 9.680        | 83,2%                                 |
|           | <i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường cho Ban Chương trình</i>                                                                     | <i>3.118</i>  | <i>2.962</i>  | <i>2.962</i> | <i>95,0%</i>                          |
|           | <i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường cho Ban Truyền hình đối ngoại</i>                                                            | <i>4.867</i>  | <i>1.625</i>  | <i>3.974</i> | <i>81,6%</i>                          |
|           | <i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường cho Ban Chuyên đề - Khoa giáo</i>                                                            | <i>2.237</i>  | <i>850</i>    | <i>1.850</i> | <i>82,7%</i>                          |
|           | <i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường cho Ban Thời sự</i>                                                                          | <i>1.407</i>  |               | <i>894</i>   | <i>63,6%</i>                          |
| <b>10</b> | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                                                                                     |               |               | -            |                                       |
| <b>11</b> | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                                                                                  | <b>2.130</b>  | <b>1.856</b>  | <b>1.856</b> | <b>87,1%</b>                          |
| -         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                          |               |               |              |                                       |
|           | <i>Kinh phí Tổ chức Tuyên truyền hội chợ mùa thu 2025 cho Ban Chương trình (QĐ 1310/QĐ-THVN) ngày 23/10/2025)</i>                             | <i>85</i>     | <i>85</i>     | <i>85</i>    | <i>100,0%</i>                         |
|           | <i>Kinh phí Tổ chức Tuyên truyền hội chợ mùa thu 2025 cho Ban Khoa giáo (QĐ 1310/QĐ-THVN) ngày 23/10/2025)</i>                                | <i>1.241</i>  | <i>1.040</i>  | <i>1.040</i> | <i>83,8%</i>                          |
|           | <i>Kinh phí Tổ chức Tuyên truyền hội chợ mùa thu 2025 cho Ban Truyền hình tiếng dân tộc (QĐ 1310/QĐ-THVN) ngày 23/10/2025)</i>                | <i>617</i>    | <i>617</i>    | <i>617</i>   | <i>100,0%</i>                         |
|           | <i>Kinh phí Tổ chức Tuyên truyền hội chợ mùa thu 2025 cho Trung tâm Công nghệ và Truyền dẫn phát sóng (QĐ 1310/QĐ-THVN) ngày 23/10/2025)</i>  | <i>98</i>     | <i>53</i>     | <i>53</i>    | <i>54,1%</i>                          |
|           | <i>Kinh phí Tổ chức Tuyên truyền hội chợ mùa thu 2025 cho Trung tâm Kỹ thuật và Mỹ thuật truyền hình (QĐ 1310/QĐ-THVN) ngày 23/10/2025)</i>   | <i>89</i>     | <i>61</i>     | <i>61</i>    | <i>68,5%</i>                          |
| <b>11</b> | <b>Chi TX khác...</b>                                                                                                                         |               |               | -            |                                       |
|           | ...                                                                                                                                           |               |               | -            |                                       |

| Stt       | Nội dung                                                | Dự toán        | Ước thực hiện  |                | Ước thực hiện năm 2025 so dự toán (%) |
|-----------|---------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|---------------------------------------|
|           |                                                         |                | Quý IV         | Năm 2025       |                                       |
| <b>B</b>  | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                            | <b>184.187</b> | <b>101.344</b> | <b>178.868</b> | <b>97,1%</b>                          |
| <i>1</i>  | <i>Chi các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</i> |                |                | -              |                                       |
| <i>2</i>  | <i>Chi quốc phòng</i>                                   |                |                | -              |                                       |
| <i>3</i>  | <i>Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội</i>           |                |                | -              |                                       |
| <i>4</i>  | <i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>               |                |                | -              |                                       |
| <i>5</i>  | <i>Chi khoa học và công nghệ</i>                        |                |                | -              |                                       |
| <i>6</i>  | <i>Chi y tế, dân số và gia đình</i>                     |                |                | -              |                                       |
| <i>7</i>  | <i>Chi văn hóa thông tin</i>                            |                |                | -              |                                       |
| <i>8</i>  | <i>Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn</i>           | <b>184.187</b> | <b>101.344</b> | <b>178.868</b> | <b>97,1%</b>                          |
| <i>9</i>  | <i>Chi thể dục thể thao</i>                             |                |                |                |                                       |
| <i>10</i> | <i>Chi bảo vệ môi trường</i>                            |                |                |                |                                       |
| <i>11</i> | <i>Chi bảo đảm xã hội</i>                               |                |                |                |                                       |
| <i>12</i> | <i>Chi ĐT khác...</i>                                   |                |                |                |                                       |
| <b>C</b>  | <b>Chi dự trữ</b>                                       |                |                |                |                                       |
| <i>1</i>  | <i>Chi mua tăng hàng dự trữ quốc gia</i>                |                |                |                |                                       |
|           | <i>Đầu tư xe truyền dẫn vệ tinh lưu động 4K</i>         |                |                |                |                                       |
| <b>D</b>  | <b>Chi cải cách lương</b>                               |                |                |                |                                       |
| <b>E</b>  | <b>Chi CTMTQG, CTMT</b>                                 |                |                |                |                                       |
| <i>1</i>  | <i>Chương trình MTQG</i>                                |                |                |                |                                       |
| a         | CTMTQG giảm nghèo bền vững                              |                |                |                |                                       |
|           | Dự án ...                                               |                |                |                |                                       |
| b         | CTMTQG phát triển nông thôn mới                         |                |                |                |                                       |
|           | Nội dung...                                             |                |                |                |                                       |
| <i>2</i>  | <i>Chương trình mục tiêu</i>                            |                |                |                |                                       |